

Số: 1550/BVĐK-VTTBYT
Về việc mời báo giá vật tư y tế

Ninh Bình, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá các vật tư y tế thông thường dự kiến sử dụng trong 24 tháng để làm cơ sở tổ chức mua sắm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ bà Nguyễn Kim Thủy, SĐT 0943.471.606 để được giải đáp)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản giấy:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vtytbvdknb@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (thời điểm báo có thư đến) tùy thời điểm nào đến trước.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 210 ngày**, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư (có phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp:
 - Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, bàn giao tại Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đặt hàng.

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản. Thời gian thanh toán: 90 ngày kể từ ngày hoàn thành hồ sơ thanh toán.

5. Các thông tin khác

- Tình trạng hàng hóa: mới 100%.

- Mẫu báo giá: Theo mẫu báo giá kèm theo công văn này. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Hệ thống mạng đầu thầu QG ;
- Phòng CTXH (để đăng tải) ;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số 1550/BVĐK-VTTBYT ngày 09/10/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Mã hiệu sản phẩm	Nhãn hiệu	Số lưu hành	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1													
2													
...													
Tổng số: ... mặt hàng													

Giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển bốc xếp tại kho

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày theo chính sách bán hàng của đơn vị], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số ~~1550~~ /BVĐK-VTTBYT ngày 9/10/2026 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	A001	Ăng cây nhựa 1µl	Que cấy nhựa định lượng 1µl, đầu tròn, tiết trùng. - Tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	18000
2	A002	Ăng cây nhựa 10µl	Que cấy nhựa có đầu vòng tròn kín, định lượng 10µl. Tiết trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	21600
3	A003	Áo vùng lưng H3	Làm từ khung hợp kim, được bao bọc bởi vải cotton, có khóa Veclo - Có lỗ lau rửa vết thương sau mổ. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	30
4	A004	Bàn chải đánh răng có công hút dịch	Bàn chải mềm, có tích hợp ống hút có thể kết nối với công hút dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	1100
5	A005	Băng bó bột	- Chất liệu: gạc 100% cotton, thạch cao - Kích thước: chiều rộng ≥ 20 cm, chiều dài $\geq 4,5$ m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Cuộn	38500
6	A006	Băng Chi Thị nhiệt	Dùng để chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước. Kích thước ≥ 24 mm x 55m.		Cuộn	1000
7	A007	Băng chun có keo	Băng chun có keo, Chiều rộng 8-9cm, chiều dài tối đa $\geq 4,5$ m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC	OECD	Cuộn	1300
8	A008	Băng cuộn	Chất liệu: vải 100% cotton. Kích thước: ≥ 10 cm x 5m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	86000
9	A009	Băng dính cá nhân	Kích thước: ≥ 19 mm x 60mm (± 2 mm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	175000
10	A010	Băng dính cố định kim luồn	Băng dính cố định kim luồn thiết kế xẻ rãnh chữ V. - Lớp keo acrylic - Kích thước: ≥ 7 cm x 6cm. - Tiết trùng Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	16000
11	A011	Băng dính cố định kim luồn không thấm nước	Băng dính trong suốt, không thấm nước. Kích thước: $\geq 6,7$ cm x 10cm Tiết trùng từng miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái/ Miếng	1300
12	A012	Băng dính dán vết mổ nội soi	- Nền băng bằng vải polyester không dệt, phủ keo acrylic - Có miếng gạc thấm hút dịch - Kích thước: ≥ 60 mmx70mm. - Tiết trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Miếng/ Cái	1000
13	A013	Băng dính giấy	Băng dính giấy y tế, phủ keo Acrylic - Kích thước 2,5cm x ≥ 5 m Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cuộn	100
14	A014	Băng dính vải lụa	Băng dính vải lụa kích thước $\geq 2,5$ cmx5m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	67500
15	A015	Băng dính vải lụa	Băng dính vải lụa kích thước $\geq 2,5$ cmx5m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cuộn	160000
16	A016	Băng thun ba móc	Chất liệu vải thun co giãn kích thước: rộng 10cm $\pm 0,3$ cm, chiều dài kéo giãn tối đa $\geq 4,5$ m. Có 3 móc. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	10100
17	A017	Băng thun gối	Chất liệu Neoprene, tự dính mọi vị trí. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	50

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
18	A018	Bẫy đờm	Một bộ bao gồm: 01 lọ lấy đờm thể tích 40ml ± 5ml, kèm nắp thay thế sau khi hút dịch để đậy kín. 01 nắp đậy có 1 đầu hoạt động như 1 van kết nối tương thích với các cỡ sonde hút và 1 đầu tương thích với máy hút đờm 01 tem nhãn ghi tên bệnh nhân Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	5000
19	A019	Bình khí EO	Bình khí chứa 100% EO, khối lượng khí 170 ±5 gram. Dùng tương thích hoàn toàn với máy tiệt trùng 3M™ Steri-Vac™ đang dùng tại bệnh viện. Đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường (đạt tiêu chuẩn EPA)	Liên minh châu Âu/ G7	Bình	10800
20	A020	Bộ dây máy thở dùng 1 lần	Bộ dây máy thở dùng một lần, dùng cho người lớn, Dây dài ≥1,5m, gồm 2 bẫy nước, cắt nối chữ Y. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	24300
21	A021	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn dùng được cho tất cả các máy: B40I hãng GE, Intellivue MX450 hãng Philip, Efficia CM120 hãng Phillip, Intellivue MP20 hãng Philips, BSM 3562/2810 hãng Nihon Kohden đang sử dụng tại bệnh viện. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Bộ	1400
22	A022	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê ngoài màng cứng, Kim đầu cong G18. Catheter dài ≥1m. Có màng lọc vi khuẩn. Có đầy đủ bơm tiêm và kim tiêm thuốc. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	G7	Bộ	2250
23	A023	Bộ hút áp lực âm lò xo	Bộ tối thiểu gồm: bộ tản nhiệt 3 lò xo, ống PVC, cổng nối Y, ống thoát nước PVC hoặc silicone, trocar. - Dung tích 200ml ± 10ml - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	500
24	A024	Bộ hút đờm kín	Hệ thống hút đờm kín 2 cổng, vô trùng, sử dụng ≥72h liên tục. Cỡ 14Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	12700
25	A025	Bộ Ống bơm thuốc cân quang cho máy Nemoto 200ml	Sử dụng được cho máy bơm tiêm Nemoto 2 nòng, Bộ bao gồm: 2 xilanh 200ml + dây nối có bộ phận kết nối chữ Y + 1 bộ nạp nhanh chữ J. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Bộ	900
26	A026	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Bộ chuyển tiếp sử dụng trong lọc màng bụng. Sản phẩm vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	100
27	A027	Bọc đầu dò siêu âm	Bọc đầu dò của máy siêu âm Chison ECO1, chất liệu cao su y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	5000
28	A028	Bơm hút thai	Bơm hút thai, dung tích ≥ 60ml, 1 van. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	6
29	A029	Bơm hút thai	Bơm hút thai dung tích ≥ 60ml, 2 khóa van Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	6
30	A030	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 10ml, bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥12ml, kim tiêm đủ các cỡ 23G, 25G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	2250000
31	A031	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 10ml, bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥12ml, kim tiêm đủ các cỡ 23G, 25G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, đạt chứng nhận EC		Cái	950000
32	A032	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 1ml, kim tiêm 26G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	180000
33	A033	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 20ml, kim tiêm các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	260000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
34	A034	Bơm Tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 3ml, kim tiêm các cỡ 23G, 25G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	48000
35	A035	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	66000
36	A036	Bơm tiêm 50ml cho ăn	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần, thể tích 50ml, đốc xi lanh to. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1 ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	30000
37	A037	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 5ml, bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥ 6 ml, kim tiêm các cỡ 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	900000
38	A038	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa kèm kim loại 5ml, bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥ 6 ml, kim tiêm các cỡ 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	400.000
39	A039	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm Insulin sử dụng 1 lần, đủ các loại 40UI/ 1ml, 100UI/ 1ml được làm bằng nhựa y tế. Bơm gắn liền kim (không tháo rời kim được), khoảng chết $\leq 0,01$ ml, kim tiêm 30G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	9.000.000
40	A040	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm Insulin sử dụng 1 lần, đủ các loại 40UI/ 1ml, 100UI/ 1ml được làm bằng nhựa y tế. Bơm gắn liền kim (không tháo rời kim được), khoảng chết $\leq 0,01$ ml, kim tiêm 30G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	4.000.000
41	A041	Bông cắt	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, kích thước 2cm x 2cm, Đóng gói: ≥ 50 gram/ gói. - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	70.000
42	A042	Bông ép sọ não	Bông hút nước (100% cotton), tiệt trùng. Kích thước 4cm x 5cm. Gói ≥ 10 cái/ miếng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Gói	2.400
43	A043	Bông gạc đắp vết thương 6x15cm	Cấu tạo: 2 lớp gạc không dệt và bông kích thước ≥ 6 cm x 15cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	211.000
44	A044	Bông hút	Chất liệu 100% bông xơ tự nhiên. bông hút dạng cuộn tấm mỏng, cuộn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Kg	35
45	A045	Bông lót bó bột	Chất liệu sợi bông không thấm nước. Kích thước 15cm x ≥ 360 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cuộn	13.500
46	A046	Bóng tập thở	Chất liệu cao su y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	500
47	A047	Buồng tiêm truyền cấy dưới da	- Buồng tiêm truyền cấy dưới da các cỡ - Chất liệu buồng bằng Titanium - Tương thích chụp CT và MRI - Có đủ các phụ kiện đi kèm để sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Bộ	110
48	A048	Bút mỡ	Dùng để khoan vị trí trong nhuộm hóa mô miễn dịch		Cái	1
49	A049	Canuyn mayor	Ống thông đường thở, đủ các cỡ từ 6- 9 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	5.700
50	A050	Canuyn mở khí quản	Canuyn mở khí quản có bóng các cỡ. đường kính trong 7-7,5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	600
51	A051	Cao dán lạnh	L-menthol 1g, DL-camphor 0.3g, Glycol salicylate 1.25g, Tocopherol acetat 1g		Miếng	60
52	A052	Catheter 2 nồng thận nhân tạo	Bộ bao gồm: 1 Catheter 12F dài từ 15-20cm, dây dẫn đường, nút chặn kim luồn, kim chữ Y dẫn đường, cây nối, dao mổ, kẹp, bơm tiêm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Bộ	1.600

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
53	A053	Catheter động mạch	Bộ catheter động mạch dùng để theo dõi huyết áp xâm lấn tối thiểu bao gồm: - Kim có đường kính 20G dài ≥ 80 mm. - Kim dẫn đường - Dây dẫn đường dài ≥ 25 cm - Catheter có khóa luer lock để cố định. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Cái	1.150
54	A054	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ gồm: catheter, kim luồn, dây dẫn, que nong, dao mổ, nắp dây dẫn catheter, bơm tiêm 5ml, kích thước 7F x 20 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	4.800
55	A055	Châm gai	Chất liệu thép không gỉ. Dùng để lấy tủy răng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.		Cái	720
56	A056	Chỉ catgut 4/0	Chỉ khâu tiêu chậm Chromic Catgut số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	7.000
57	A057	Chỉ nylon 10/0	Chỉ chất liệu Polyamid số 10/0, dài ≥ 15 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	300
58	A058	Chỉ nylon 3/0	Sợi chỉ chất liệu Polyamid số 3/0, kim tam giác, dài ≥ 75 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Việt Nam	Sợi	30.000
59	A059	Chỉ nylon 3/0	Sợi chỉ chất liệu Polyamid số 3/0, kim tam giác, dài ≥ 75 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	14.000
60	A060	Chỉ nylon 5/0	Sợi chỉ chất liệu Polyamid số 5/0, kim tam giác. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Việt Nam	Sợi	6.500
61	A061	Chỉ nylon 5/0	Sợi chỉ chất liệu Polyamid số 5/0, kim tam giác. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	2.900
62	A062	Chỉ nylon liền kim 7/0	Chỉ chất liệu Polyamid số 7/0, dài ≥ 75 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	1.100
63	A063	Chỉ nylon liền kim số 4/0	Sợi chỉ chất liệu Polyamid, số 4/0, kim tam giác, dài ≥ 75 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	OECD	Sợi	14.000
64	A064	Chỉ PolyPropylen 7/0	Chỉ Polypropylene số 7/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	OECD	Sợi	12
65	A065	Chỉ Polypropylen số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chỉ dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	1.000
66	A066	Chỉ Polypropylen số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	OECD	Sợi	2.300
67	A067	Chỉ Polypropylen số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	2.900
68	A068	Chỉ Polypropylen số 5/0	Chỉ Polypropylene số 5/0, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	3.500
69	A069	Chỉ Polypropylen số 6/0	Chỉ Polypropylene số 6/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	460
70	A070	Chỉ Polypropylen số 8/0	Chỉ Polypropylene số 8/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	200
71	A071	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Sợi	4.500
72	A072	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 0, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	2.100

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
73	A073	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	1.900
74	A074	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 5/0 dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485	OECD	Sợi	900
75	A075	Chỉ tan tổng hợp số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	3.300
76	A076	Chỉ tan tổng hợp số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0, chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	2.400
77	A077	Chỉ tan tổng hợp số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0, chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Sợi	5.500
78	A078	Chỉ thép răng hàm mặt	Chỉ thép không rỉ số 1, không kim, chiều dài ≥ 50 m. Được đóng gói trong hộp để rút chỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Có chứng nhận EC hoặc FDA		Cuộn	30
79	A079	Chỉ thị hóa học dùng cho dụng cụ ở lò nhiệt độ cao	Chỉ thị hóa học được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ trong quá trình tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Test	7.200
80	A080	Chỉ thị hóa học dùng cho dụng cụ ở lò nhiệt độ thấp	Chỉ thị hóa học bên trong gói dùng cho quy trình tiệt khuẩn với khí EO. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Test	3.600
81	A081	Chỉ tiêu chậm đơn sợi 4/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: số 4/0 Đơn sợi chất liệu Polydioxan, tiệt khuẩn. 1 kim thân tròn, chỉ dài ≥ 70 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	2.300
82	A082	Chỉ tiêu đa sợi liền kim 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	5.300
83	A083	Chỉ tiêu đa sợi liền kim 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Sợi	12.200
84	A084	Chỉ tiêu đơn sợi 3/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: số 3/0 Đơn sợi chất liệu Polydioxan, tiệt khuẩn. 1 kim thân tròn, chỉ dài ≥ 70 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	OECD	Sợi	1.300
85	A085	Chỉ tiêu tổng hợp số 2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2, chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Sợi	16.000
86	A086	Chỉ tiêu tổng hợp số 2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2, chiều dài ≥ 90 cm, kim tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	Sợi	7.300
87	A087	Clip polymer kẹp mạch máu	Chất liệu polymer, tối thiểu có các cỡ M/ ML, L, XL... - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nhà thầu cho Bệnh viện mượn tối thiểu 02 kim kẹp clip dùng với hàng hoá trùng thầu cho đến khi hết số lượng cung ứng theo hợp đồng.		Cái	27.000
88	A088	Clip titan kẹp mạch máu	Clip mạch máu Titanium Tối thiểu có đủ các cỡ S, M, L - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nhà thầu cho Bệnh viện mượn tối thiểu 02 kim kẹp clip dùng với hàng hoá trùng thầu cho đến khi hết số lượng cung ứng theo hợp đồng.		Cái	8.500
89	A089	Cốc nhựa cứng	Cốc nhựa cứng, dung tích từ 110ml-150ml.		Cái	5.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
90	A090	Đai bụng	Làm từ chất liệu Neoprene tự dính, chất liệu chun thoáng khí và băng nhám dính (khóa velcro). Chất liệu chun thoáng khí có lực căng, khi quần quanh bụng điểm đầu và điểm cuối gắn với nhau bởi băng nhám dính. Hỗ trợ sau phẫu thuật, chấn thương màng bụng... Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL, XXL... Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	500
91	A091	Đai lưng thoáng khí	Hệ thống 4 thanh nẹp thép mangan, uốn cong ôm sát cơ thể, thân đai chất liệu vải thun co giãn, có nhiều lỗ thoáng khí, hệ thống dây kéo làm từ chun co giãn và dây dệt giả nylon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC hoặc FDA		Cái	50
92	A092	Đầu côn 1000µl	Chất liệu: Polypropylene, dung tích 1000µl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	50.000
93	A093	Đầu côn 200µl	Chất liệu: Polypropylene, dung tích 200µl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	120.000
94	A094	Đầu côn filter tips có lọc loại 100 - 1000 µl	Đầu côn có dung tích 100 - 1000 µl. Chất liệu Polypropylene, có màng lọc, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	9.600
95	A095	Đầu côn filter tips có lọc loại 200 µl	Đầu côn có dung tích 200 µl. Chất liệu Polypropylene, có màng lọc, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	14.400
96	A096	Đầu hút dịch cầm tay Yankauer	Chất liệu nhựa trong suốt, có lỗ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	12.000
97	A097	Dây cưa sọ não	Chất liệu thép không gỉ, dài tối thiểu 40cm (±5mm), dây xoắn, 2 đầu hình giọt nước. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	200
98	A098	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	15.000
99	A099	Dây nối bơm cân quang	Chất liệu PVC y tế, trong suốt. Dây dài ≥140cm, đường kính trong 3(±10%)mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	350.000
100	A100	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với đầu nối khóa ren. Độ dài của dây nối ≥ 140cm, chất liệu PVC. Đường kính trong ≤ 1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	45.000
101	A101	Dây silicon mỡ lệ quần	Chất liệu: Silicon y tế. - Chiều dài dây 35-40mm - Đường kính dây 0,64 mm-0,65mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	30
102	A102	Dây thở oxy 2 nhánh	Loại 2 nhánh, chất liệu PVC y tế hoặc tương đương, chiều dài dây chính ≥2m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	55.000
103	A103	Dây treo tay tam giác	Làm từ vải mút và hệ thống dây đai, nâng đỡ cánh tay. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	50
104	A104	Dây truyền dịch cho máy truyền dịch	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong 3 ± 0,1mm, đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch ≤15µm - Có chức năng đuổi khí và ngắt dịch tự động - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Việt Nam	Cái	6.200
105	A105	Dây truyền dịch có kim cánh bướm	Dây dẫn: Dài ≥ 1500mm, chất liệu nhựa PVC. - Van khóa điều chỉnh, kim chại sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Có van thông khí có màng lọc - Kim 2 cánh bướm 22G, 23G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	1.100.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
106	A106	Dây truyền dịch có kim cánh bướm	Dây dẫn: Dài $\geq 1500\text{mm}$, chất liệu nhựa PVC. - Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Có van thông khí có màng lọc - Kim 2 cánh bướm 22G, 23G. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	500.000
107	A107	Dây truyền dịch kim không cánh bướm	Dây dẫn: Dài $\geq 1500\text{mm}$, chất liệu nhựa PVC. - Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Có bầu đếm giọt, có van thông khí có màng lọc - Kim thường 22G-23G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	680.000
108	A108	Dây truyền máu	Dây truyền máu có kim tiêm 18G. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Dây chất liệu nhựa y tế, dây dài $\geq 180\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	28.000
109	A109	Đĩa Petri có nắp	Đĩa Petri 1 ngăn, có nắp. Đường kính $9\text{cm} (\pm 0,5)$. Chất liệu nhựa, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	160.000
110	A110	Điện cực tim	Bám dính tốt, không gây dị ứng cho da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	173.000
111	A111	Dũa ống tùy các cỡ	Dũa ống tủy, tối thiểu có đủ các cỡ 15mm, 20mm, dài 21mm, Hộp ≥ 6 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	840
112	A112	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn cho các loại máy đo chức năng hô hấp Chest HI-801, KoKo đang có tại bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	37.100
113	A113	Filter lọc khuẩn cho thở máy	Chức năng: Lọc khuẩn, trao đổi nhiệt và làm ẩm. Khả năng lọc khuẩn: $> 99,99\%$, khả năng lọc virus: $> 99,99\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	32.800
114	A114	Gạc cầu đa khoa	Nguyên liệu: gạc y tế. Kích thước: $30\text{mm} \pm 2\text{mm} \times \geq 1$ lớp, hình cầu. Tiệt trùng, Đóng gói: ≥ 10 cái/gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	205.000
115	A115	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Gạc không dệt, kích thước $\geq 1\text{ cm} \times 200\text{cm} \times 4$ lớp. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	240
116	A116	Gạc phẫu thuật 7,5x7,5x8 lớp	Gạc phẫu thuật tiệt trùng, vải dệt 100% cotton, kích thước $\geq 7,5\text{cm} \times 7,5\text{cm} \times \geq 8$ lớp, cân quang vô trùng. - Gói ≥ 10 cái. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	38.000
117	A117	Gạc phẫu thuật đã tiệt trùng 10x10x8 lớp	Gạc phẫu thuật tiệt trùng, vải dệt 100% cotton, kích thước $\geq 10\text{ cm} \times 10\text{cm} \times \geq 8$ lớp, cân quang, vô trùng. Gói ≥ 10 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	215.000
118	A118	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5x7,5x6 lớp	Gạc phẫu thuật tiệt trùng, vải không dệt, cân quang, vô trùng, kích thước $\geq 7,5\text{cm} \times 7,5\text{cm} \times \geq 6$ lớp. Gói ≥ 10 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	115.000
119	A119	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Gạc phẫu thuật ổ bụng kích thước $\geq 30\text{cm} \times 40\text{cm} \times \geq 6$ lớp vô trùng, cân quang. Gói ≥ 5 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	37.000
120	A120	Gạc thận nhân tạo	Gạc phẫu thuật đã tiệt trùng, vải dệt 100% cotton. Kích thước $\geq 3,5\text{cm} \times 4,5\text{cm} \times \geq 80$ lớp. Gói ≥ 30 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Gói	10.000
121	A121	Găng phẫu thuật	Găng tay tiệt trùng đủ các cỡ: 6,5-7-7,5, - Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột. - Chiều dài trung bình $280\text{ mm} \pm 10\text{mm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Có chứng nhận EC hoặc FDA		Đôi	165.000
122	A122	Găng phẫu thuật	Găng tay tiệt trùng đủ các cỡ: 6,5-7-7,5, - Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột. - Chiều dài trung bình $280\text{ mm} \pm 10\text{mm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Đôi	385.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
123	A123	Găng tay y tế có bột	Găng latex tự nhiên có bột, các cỡ S, M, L. Chiều dài trung bình ≥ 240 mm. Độ dày tối thiểu 0,08mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Đôi	2.600.000
124	A124	Găng tay y tế có bột	Găng latex tự nhiên có bột, các cỡ S,M, L. Chiều dài trung bình ≥ 240 mm. Độ dày tối thiểu 0,08mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC		Đôi	1.100.000
125	A125	Giấy điện tim 12 cần	Giấy điện tim 12 cần, có dòng kẻ. Kích thước 210 x 140mm (± 10 mm), tối thiểu 200 tờ/tập. Tương thích với máy điện tim Nihon Kohden tại Bệnh viện		Tập	410
126	A126	Giấy điện tim 3 cần	Giấy điện tim 3 cần, có dòng kẻ. Kích thước: rộng 63mm, dài tối thiểu 30m, dùng được với máy điện tim Nihon Kohden tại bệnh viện		Cuộn	8.800
127	A127	Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim 6 cần có dòng kẻ. Kích thước: 110mm x 140mm, tối thiểu 142 tờ/tập, dùng được với máy điện tim Nihon Kohden.		Tập	600
128	A128	Giấy in máy đo chức năng hô hấp	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo chức năng hô hấp, dạng cuộn. Chiều rộng 110mm (± 5 mm), chiều dài tối thiểu 30m (± 10 cm).		Cuộn	250
129	A129	Giấy in nhiệt dạng cuộn	Giấy in nhiệt cho máy in sinh hóa. Chiều rộng 55 -57 mm, dạng cuộn, dài tối thiểu 30m (± 10 cm)		Cuộn	2.500
130	A130	Giấy in siêu âm đen trắng	Tương thích với máy in Sony. Kích thước 110mm x ≥ 20 m/cuộn.		Cuộn	660
131	A131	Giấy lau miệng	Giấy lau miệng cho bệnh nhân, chất liệu 100% bột giấy nguyên sinh. Kích thước ≥ 15 cm x 15cm ($\pm 0,5$ cm), ≥ 2 lớp. Túi/Gói ≥ 1 kg		Túi	60
132	A132	Giấy parafin	Giấy có tráng lớp Parafin chống thấm nước, Kích thước ≥ 10 cmx38m		Cuộn	10
133	A133	Gói thử cảnh báo sớm dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ cao	Gói thử cảnh báo sớm dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Gói	2.150
134	A134	Gutta Percha	Côn Gutta Percha trám bít vĩnh viễn với nhiều kích thước và độ thuận khác nhau cùng vạch chia chiều dài. Hộp tối thiểu 120 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Hộp	90
135	A135	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế tối thiểu 3 lớp gồm 2 lớp vải không dệt, lớp giữa lọc kháng khuẩn. Hiệu suất lọc tối thiểu 90%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	1.000.000
136	A136	Khóa ba chạc	Chạc 3 có đầu khóa xoay, van 1 chiều, không dây nối. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	40.000
137	A137	Khóa ba chạc	Chạc 3 có đầu khóa xoay, van 1 chiều, có dây nối ≥ 10 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	4.800
138	A138	Khớp nối thẳng	Ống nối dây dẫn lưu dạng thẳng, có khắc ở các đầu nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	2.200
139	A139	Khuôn đúc bệnh phẩm	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp. Chất liệu Polyoxymethylene, Bao gồm cả các loại lỗ nhỏ, lỗ to. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	45.000
140	A140	Kim cấy chi	Kim cấy chi tiệt trùng dùng một lần. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	230
141	A141	Kim châm cứu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	36
142	A142	Kim trích máu	Kim trích máu dùng cho test đường huyết mao mạch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	280.000
143	A143	Kim chọc dò tủy sống	Kim gây tê tủy sống, có đủ các cỡ: 18G; 22G; 25G; 27G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	G7	Cái	15.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
144	A144	Kim chọc hút tủy xương	Cờ kim: 16G; 18G - Kim dùng 1 lần, điều chỉnh được chiều dài, có thang vạch trên thân kim - Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh - Đầu nối Luer chuẩn kết nối với xy lanh Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	2.700
145	A145	Kim dùng cho buồng tiêm truyền	Kim chuyên dụng cho buồng tiêm, các cỡ 20G-22G. Chất liệu thép không gỉ, dây nối nhựa y tế, không chứa DEHP, latex. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	
146	A146	Kim lấy thuốc	Các cỡ: 18G, 22G/ 23G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	2.600.000
147	A147	Kim luồn tĩnh mạch các số	Kim luồn có cánh, có công bơm thuốc, có nút chặn kim luồn. Các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	235.000
148	A148	Kim luồn tĩnh mạch các số	Kim luồn có cánh, có công bơm thuốc, có nút chặn kim luồn. Các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận EC		Cái	235.000
149	A149	Kim nha khoa	Kim hai đầu, cỡ kim: 27G Chiều dài kim: $\geq 21\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Châu Âu/G7	Cái	11.300
150	A150	Kim quang cho máy laser nội mạch	Kim số 22. Kết hợp với kim luồn, dùng trong laser nội mạch. Đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	4.600
151	A151	Kim sinh thiết mô mềm	Cấu hình: 01 kim sinh thiết + kim dẫn đường: kim sinh thiết có tối thiểu đủ các đường đường kính từ 16G; 18G, dài 15-20cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	1.300
152	A152	Lam kính đầu mài	Lam kính đầu mài Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25,4 x 76,2mm ($\pm 0,2\text{mm}$), bề mặt phẳng, không mốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 72 lá		Hộp	3.400
153	A153	Lam kính hóa mô miễn dịch	Lam kính đầu mài, có phủ tích điện dương trên bề mặt. Hộp ≥ 72 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Hộp	30
154	A154	Lamen 22x22mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate, trong suốt. Kích thước 22x22mm, đóng gói ≥ 100 cái/hộp	Châu Âu/G7	Hộp	680
155	A155	Lamen 22x40mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate, trong suốt, kích cỡ 22x40mm. Hộp ≥ 100 cái	Châu Âu/G7	Hộp	200
156	A156	Lentulo	Dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy, chuỗi bằng thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	100
157	A157	Lọ nhựa đựng mẫu	Lọ nhựa $\geq 50\text{ml}$, trong suốt, có nắp, có nhãn. - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	85.000
158	A158	Lưỡi cắt sọ	Lưỡi cắt sọ, dạng xoắn cỡ trung bình: - Kích thước 1,8x15mm - Chất liệu thép không gỉ - Tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM tại bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	67
159	A159	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Làm bằng thép không gỉ, kích thước 80x8x0,25mm ($\pm 0,1\text{mm}$), góc nghiêng 35 độ, Cắt được các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh...). Sử dụng cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản. Hộp ≥ 50 lưỡi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	G7	Hộp	50
160	A160	Lưỡi dao vô khuẩn	Có các số 11 và 21; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	55.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
161	A161	Mask khí dung	Mask khí dung các cỡ, tối thiểu có các cỡ M, L, được làm từ chất liệu nhựa PVC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	6.500
162	A162	Mask thở không xâm nhập	Mask thở không xâm lấn chất liệu miếng đệm silicon Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	50
163	A163	Mask thở oxy có túi người lớn	Mặt nạ thở oxy có túi, chất liệu nhựa PVC. Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	2.000
164	A164	Mask thở oxy người lớn	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	200
165	A165	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi có dây rút, kích cỡ $\geq 8 \times 1,5 \times 2$ cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	1.800
166	A166	Miếng dán mi	Kích thước: $\geq 6 \times 7$ cm; Lớp film Polyurethane không chứa Latex, trong suốt, bán thấm Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	220
167	A167	Miếng dán vết mổ	Miếng dán phẫu thuật bằng polyurethane cỡ ≥ 28 cm x 30 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Miếng	8.500
168	A168	Mũ phẫu thuật	Làm từ vải không dệt và sợi thun. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	310.000
169	A169	Mũi khoan cắt xương	Mũi khoan cắt xương răng hàm mặt. Có nhiều đường kính khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	100
170	A170	Mũi khoan chống thủng sản (mũi nạo ngã)	Được làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	40
171	A171	Mũi khoan kim cương đuôi chuột	Mũi khoan kim cương đuôi chuột các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	100
172	A172	Mũi khoan kim cương tròn	Mũi khoan kim cương tròn, các cỡ, Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	200
173	A173	Mũi khoan kim cương trụ	Mũi khoan kim trụ, các cỡ, Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	160
174	A174	Mũi khoan mở tủy	Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	20
175	A175	Mũi khoan phẫu thuật răng hàm mặt	Mũi khoan phẫu thuật răng hàm mặt các cỡ khác nhau, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	10
176	A176	Mũi khoan sọ tự dừng	Mũi khoan sọ não tự dừng các cỡ khác nhau, tương thích với máy khoan Velocity Alpha TM hãng Adeor Medical AG/ Đức, tại bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	80
177	A177	Mũi Khoan thép tròn tay chậm	Mũi khoan thép tròn, tay chậm, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	100
178	A178	Mũi Khoan thép trụ tay chậm	Mũi khoan thép trụ, tay chậm, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	600
179	A179	Mũi Khoan xương RHM	Mũi khoan xương răng hàm mặt, đường kính 1,6mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	1.000
180	A180	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ, sơ cứu chấn thương đốt sống cổ. - Chất liệu: mút xốp bằng Ethylene Vinyl Acetate - Cấu tạo: gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi băng nhám dính, có những lỗ nhỏ làm thoáng khí sử dụng. - Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	900
181	A181	Nẹp gỗ thẳng cổ định cẳng chân	Chất liệu gỗ, cứng. Kích thước ≥ 60 cm x 6 cm x 1 cm		Cái	2.000
182	A182	Nẹp gỗ thẳng cổ định cánh tay, cẳng tay	Chất liệu gỗ, cứng. Kích thước ≥ 30 cm x 6 cm (± 1 cm) x ≥ 1 cm		Cái	1.300

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
183	A183	Nẹp gỗ thẳng dài cố định xương đùi	Chất liệu gỗ, cứng. Kích thước ≥ 130 cm x 6 cm x 1 cm		Cái	1.000
184	A184	Nẹp gỗ thẳng ngắn cố định xương đùi	Chất liệu gỗ, cứng. Kích thước 75-80 x 6 x 1 cm		Cái	1.000
185	A185	Nội Khí Quân 2 Nòng	Ống nội khí/ phế quản 2 nòng trái/ phải, có bóng, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	300
186	A186	Nong ống tùy các cỡ	Nong ống tùy các cỡ, chiều dài 21. Hộp ≥ 6 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	2.880
187	A187	Ống dẫn lưu ổ bụng	Chất liệu: Nhựa y tế, dạng ống thẳng, trong suốt. Kích thước đường kính bên trong 5,0mm và 7,0 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	10.000
188	A188	ống hút dịch phẫu thuật	Ống hút dùng trong phẫu thuật. Chất liệu nhựa PVC. Đóng gói riêng, tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	10.000
189	A189	Ống hút nhót	Chất liệu nhựa y tế, có khoá. Đủ các kích thước: 6;8;10;12;14;16 Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Việt Nam	Cái	120.000
190	A190	Ống hút nhót	Chất liệu nhựa y tế, có khoá. Đủ các kích thước: 6;8;10;12;14;16 Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	50.000
191	A191	Ống hút y tế dùng 1 lần	Chất liệu nhựa y tế. Dùng trong hút nước bọt nha khoa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	5.000
192	A192	Ống nghiệm Citrat	Ống nghiệm nhựa có chứa Sodium Citrate 3,8%, có nhãn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Cái	400.000
193	A193	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa y tế, nắp nhựa, Có chứa hóa chất chống đông Lithium Heparin, có nhãn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Tuyp	1.400.000
194	A194	Ống nghiệm K2EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa có chất chống đông EDTA, nắp cao su, có nhãn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	1.000.000
195	A195	Ống nghiệm K2EDTA nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa có chất chống đông EDTA, nắp nhựa, có nhãn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	210.000
196	A196	Ống nghiệm nhựa có nắp	Chất liệu nhựa, có nắp, kích thước 16mm x 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	1.200.000
197	A197	Ống nghiệm nhựa có nắp loại nhỏ	Ống nghiệm nhựa, kích thước 12-13 mm x 75mm, có nhãn, dung tích tối đa 5ml ($\pm 0,1$ ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	100.000
198	A198	Ống xét nghiệm máu lắng	Ống nghiệm thủy tinh, nắp cao su. Đạt tiêu chuẩn ISO12385		Cái	800
199	A199	Ống nối dây máy thở	Chất liệu nhựa y tế. Ống có thể co giãn, kéo dài, có lỗ hút dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	21.200
200	A200	Ống nội khí quản	Ống đặt nội khí quản có bóng, đầy đủ các cỡ số từ 4,5 - 8,5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	22.700
201	A201	Ống nội khí quản có lò xo	Thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, có vạch đánh dấu trên bóng. Đủ các số: 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	1.400
202	A202	Ống nội khí quản có ống hút dịch	Ống nội khí quản có bóng, hút dịch trên bóng. Có mắt, đầu cong. Có đầy đủ các số từ 6,5 đến 8. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	3.000
203	A203	Ống thổi giấy	Ống thổi giấy dùng trong đo chức năng hô hấp Chest HI 801 tại bệnh viện		Cái	750

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
204	A204	Ống thông chữ T	Làm bằng cao su tự nhiên, phủ Silicon. Được sử dụng để thông túi mật. Kích cỡ: Fr10-Fr26. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	260
205	A205	Ống thông dạ dày các số	Ống thông dạ dày đủ các số từ 6Fr, 8Fr,... 16 Fr. Chất liệu nhựa y tế, - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	18.000
206	A206	Ống thông foley 2 nhánh	Ống thông tiểu (Foley) hai nhánh được cấu tạo bằng cao su latex mềm, được phủ bằng silicon, có đủ các số 10; 12; 14; 16; 18 Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	34.000
207	A207	Ống thông foley 3 nhánh	Cấu tạo gồm có 3 nhánh, có van, có đủ các cỡ từ 16Fr-24Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	1.300
208	A208	Ống thông manico/ sond pezzet	Chất liệu cao su y tế, đủ các cỡ 20, 22 Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	560
209	A209	Ống thông tiểu 1 nhánh các số	Ống thông tiểu 1 nhánh. Chất liệu cao su thiên nhiên, tráng silicon. Đủ các số 10, 11, 12Fr. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	850
210	A210	Phim X quang 10x12 inch	Phim khô y tế cỡ 10x12 inch (25x30cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nhà thầu trúng thầu cam kết cho Bệnh viện mượn tối thiểu 06 máy in phim sử dụng hoàn toàn tương thích với hàng hoá dự thầu. Máy có khả năng kết nối và nhận dữ liệu từ các hệ thống X-quang, Chụp cắt lớp (CT), Cộng hưởng từ (MRI), hệ thống lưu trữ hình ảnh của Bệnh viện (PACS)		Tờ	100.000
211	A211	Phim X quang 14x17 inch	Phim khô y tế cỡ 14x17 inch (35 x 43 cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nhà thầu trúng thầu cam kết cho Bệnh viện mượn tối thiểu 06 máy in phim sử dụng hoàn toàn tương thích với hàng hoá dự thầu. Máy có khả năng kết nối và nhận dữ liệu từ các hệ thống X-quang, Chụp cắt lớp (CT), Cộng hưởng từ (MRI), hệ thống lưu trữ hình ảnh của Bệnh viện (PACS)		Tờ	120.000
212	A212	Phim X quang 8x10 inch	Phim khô y tế cỡ 8x10 inch (20x25cm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Nhà thầu trúng thầu cam kết cho Bệnh viện mượn tối thiểu 06 máy in phim sử dụng hoàn toàn tương thích với hàng hoá dự thầu. Máy có khả năng kết nối và nhận dữ liệu từ các hệ thống X-quang, Chụp cắt lớp (CT), Cộng hưởng từ (MRI), hệ thống lưu trữ hình ảnh của Bệnh viện (PACS)		Tờ	18.000
213	A213	Pin cúc	Pin cúc dùng cho máy đo đường huyết. Sản xuất từ năm 2025 trở đi		Viên	700
214	A214	Pin dùng cho máy đo nhiệt kế âm kể tự ghi	Pin nuôi nguồn loại pin AA (kích thước đường kính khoảng 14 mm ($\pm 0,5\text{mm}$) và chiều dài khoảng 50 mm ($\pm 0,5\text{mm}$)), điện áp 3,6V, dung lượng $\geq 2700\text{mAh}$.		Viên	100
215	A215	Pin tiểu	Chất liệu pin Alkaline, đủ các loại AA, AAA. Vi giấy 1 đôi. Sản xuất từ năm 2025 trở đi	Đông Nam Á	Đôi	28.000
216	A216	Pin trung	Chất liệu pin Alkaline. Vi giấy 1 đôi. Sản xuất từ năm 2025 trở đi	Đông Nam Á	Đôi	560
217	A217	Que gỗ lấy dịch âm đạo	Que gỗ sán (spatula) dùng để lấy mẫu tế bào và niêm dịch cổ tử cung. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	5.700
218	A218	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Chất liệu ống nhựa, nắp nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài $\geq 170\text{mm}$. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	25.000
219	A219	Que phết đờm	Kích thước: Chiều dài $\geq 17\text{cm}$, 1 đầu vát. Chất liệu gỗ		Cái	150.000
220	A220	Sáp sọ	Sáp cầm máu xương. Thành phần: sáp ong + Isopropyl palmitate... Khối lượng $\geq 2,5\text{g}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Miếng	1.300

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
221	A221	Tấm trải nylon	Tấm trải nylon, kích thước $\geq 100 \times 130$ cm. Tiết trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	56.000
222	A222	Tay dao điện mổ mở	Dùng cho các loại dao mổ điện, sử dụng 1 lần. Lưỡi dao được làm bằng thép không gỉ Loại 3 chân cắm, Dây nối dài ≥ 3 m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	12.000
223	A223	Túi bảo vệ thành vết mổ cỡ lớn	Miếng film chất liệu Polyurethane. Có 2 vòng tròn có khả năng co giãn cố định trên - dưới, chất liệu Pellethane. Dùng cho vết mổ chiều dài 9-14cm - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	60
224	A224	Túi bảo vệ thành vết mổ cỡ nhỏ	Miếng film chất liệu Polyurethane. Có 2 vòng tròn có khả năng co giãn cố định trên - dưới, chất liệu Pellethane. Dùng cho vết mổ chiều dài 2,5-6cm - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	30
225	A225	Túi bảo vệ thành vết mổ cỡ trung bình	Miếng film chất liệu Polyurethane. Có 2 vòng tròn có khả năng co giãn cố định trên - dưới, chất liệu Pellethane. Dùng cho vết mổ chiều dài 5 - 9 cm - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	40
226	A226	Túi camera	Vật liệu: PE/PP. Ống nylon kích thước $\geq 18 \times 230$ cm; Túi nylon kích thước $\geq 9 \times 14$ cm. Tiết trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	27.000
227	A227	Túi chườm lạnh	Làm từ vải polyester, nệm nhựa chất liệu Polystyren. Kích thước ≥ 9 inch. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Có giấy chứng nhận EC		Cái	200
228	A228	Túi đóng thuốc	Kích thước 10cm, dài ≥ 400 m. Cặp gồm 2 cuộn, cuộn mặt trước và 1 cuộn mặt sau - Chất liệu PET, chịu nhiệt, chịu lực Trọng lượng 1 cặp: ≥ 9 kg		Cái	36
229	A229	Túi ép dẹt 20cm	Kích thước: rộng 20cm, dài tối thiểu 200m, có chỉ thị màu với các phương pháp tiết khuẩn khác nhau (khí EO, hấp...) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	360
230	A230	Túi ép dẹt 30cm	Túi cuộn tiết trùng loại dẹt 30cm dài tối thiểu 200m, có chỉ thị màu với các phương pháp tiết khuẩn khác nhau (khí EO, hấp...) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	360
231	A231	Túi ép dẹt 35cm	Kích thước: rộng 35cm, dài tối thiểu 200m. có chỉ thị màu với các phương pháp tiết khuẩn khác nhau (khí EO, hấp...) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cuộn	250
232	A232	Túi ép dẹt 40cm	Kích thước: rộng 40cm, dài tối thiểu 200m, có chất chỉ thị màu với các phương pháp tiết khuẩn khác nhau (khí EO, hấp...) - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cuộn	250
233	A233	Túi ép phẳng	Kích thước: rộng 10cm, dài tối thiểu 100m. Có chất chỉ thị với các phương pháp tiết khuẩn khác nhau (khí EO, hấp...) - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cuộn	70
234	A234	Túi hậu môn nhân tạo	Đế dán chất liệu Hydrocolloid. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	600
235	A235	Túi máu ba 250ml	Túi máu ba loại túi đỉnh - đỉnh, Bao gồm: - Túi 1: Túi đựng máu toàn phần có chất chống đông dung tích 250ml - Túi 2: bảo quản huyết tương/ hồng cầu; - Túi 3: bảo quản tiểu cầu/ huyết tương - Kẹp khóa bấm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Túi	18.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
236	A236	Túi máu ba 350ml	Túi máu ba loại túi định - định, Bao gồm: - Túi 1: Túi đựng máu toàn phần có chất chống đông dung tích 350ml - Túi 2: bảo quản huyết tương/ hồng cầu; - Túi 3: bảo quản tiểu cầu/ huyết tương - Kẹp khóa bấm - Kim lấy máu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	5.000
237	A237	Túi máu đơn	Thể tích 250ml. Chứa chất chống đông. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	1.000
238	A238	Túi nước tiểu	Dung tích: ≥ 2000 ml, Van xả đáy chữ T. Đóng gói rời từng cái, số lượng ≤ 20 cái/ túi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	54.000
239	A239	Van cầm máu	Van cầm máu chữ Y tối thiểu gồm: dây nối, momen xoắn và dụng cụ chèn. - Chịu được áp suất cao ≥ 400 psi. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	760
240	A240	Vật liệu cầm máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp, kích thước ≥ 10 cm x 20 cm. Đóng gói tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Miếng	1.000
241	A241	Xịt bông	Chai xịt bông		Bình	15
242	A242	Xốp cầm máu	Chất liệu Gelatin tinh thiết, kích thước tối thiểu 8x5x1cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Miếng	100

Tổng số: 242 mặt hàng.